

Số: 2035/ĐHCT-ĐT
V/v tổ chức các lớp học phần,
luận văn, đồ án

Cần Thơ, ngày 16 tháng 12 năm 2009

Kính gửi: Lãnh đạo các đơn vị

Để tiếp tục hoàn thiện công tác tin chỉ hoá của trường, những khái niệm lớp học phần, luận văn, đồ án cần được hiểu và thống nhất tổ chức thực hiện như sau:

1. Học phần: là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 - 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng (mã số học phần), có khối lượng quy chuẩn tương ứng được xác định trong “Danh mục tra cứu Chương trình đào tạo”.

2. Lớp học phần: là lớp mà sinh viên (SV) đăng ký theo học cùng một học phần trong một học kỳ. Mỗi học phần có thể được tổ chức giảng dạy thành nhiều lớp học phần tùy vào số lượng SV đăng ký học. Mỗi lớp học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng (mã số lớp học phần), được xác định trước mỗi học kỳ. Lớp học phần có thể được giảng dạy bởi một hay nhiều giảng viên do Trường bộ môn sắp xếp. Khối lượng công tác chuyên môn khi giảng dạy các lớp học phần và đánh giá kết quả học tập của SV được tính theo “Quy định về quản lý công tác chuyên môn đối với CBGD”. Có các loại lớp học phần như sau:

2.1 Lớp học phần lý thuyết: là lớp học phần chỉ giảng dạy kiến thức lý thuyết. Việc tổ chức giảng dạy được thực hiện tại giảng đường, phòng học như công bố trên thời khoá biểu (TKB). Khối lượng công tác chuyên môn của lớp học phần lý thuyết được tính bằng khối lượng quy chuẩn của học phần nhân với hệ số lớp đồng.

2.2 Lớp học phần lý thuyết kết hợp thực tập: là lớp học phần gồm cả phần giảng dạy lý thuyết lẫn phần giảng dạy thực tập, thực hành, thảo luận.

+ Phần giảng dạy lý thuyết được tổ chức tại giảng đường, phòng học theo công bố trên TKB. Khối lượng công tác chuyên môn của phần giảng dạy lý thuyết được tính bằng khối lượng quy chuẩn phần lý thuyết của học phần nhân với hệ số lớp đồng.

+ Phần giảng dạy thực tập, thực hành, thảo luận được tổ chức tại phòng thí nghiệm hoặc tại cơ sở thực tập, phòng học. Tùy theo sức chứa và khả năng giảng dạy của phòng thí nghiệm, giảng viên phụ trách có thể chia SV thành nhiều nhóm, mỗi nhóm từ 20 đến 40 SV, và sắp xếp đề SV đăng ký học thực tập theo từng nhóm.

2.3 Lớp học phần thực tập: là lớp học phần cung cấp kiến thức và kỹ năng thực hành chuyên môn gắn với một hoặc nhiều học phần lý thuyết nhưng được tổ chức giảng dạy độc lập. Học phần thực tập được thực hiện tại phòng thí nghiệm, cơ sở thực tập hoặc tại phòng học. Quy mô lớp học phần thực tập khoảng 20 đến 40 SV tùy theo sức chứa phòng thí nghiệm và tính chất của học phần. Tương tự như lớp học phần thực tập còn có:

+ **Lớp học phần kỹ năng ngoại ngữ:** là những lớp học phần rèn luyện kỹ năng của các ngành ngoại ngữ như kỹ năng nghe, nói, ngữ âm thực hành, đọc hiểu, viết, vv...

+ **Lớp học phần thực tập giáo trình, thực tập sư phạm, tham quan thực tế ngoài trường:** là lớp học phân gắn SV với thực tế đời sống, sản xuất của xã hội. Nội dung thực hiện là đưa SV đi thu mẫu và phân tích mẫu, đi dạy học tại các trường phổ thông, đi nghiên cứu thực địa, khảo sát, tham quan thực tế tại những địa điểm, cơ sở ngoài trường. Kết quả học tập được đánh giá qua bài báo cáo thực tập của SV. Đơn vị quản lý đào tạo cử nhóm cán bộ hướng dẫn. Định mức thực hiện từ 20 đến 25 SV/1 cán bộ hướng dẫn.

3. Luận văn tốt nghiệp (LVTN): là học phần đặc biệt có mã số học phần riêng, được thiết kế cho mỗi SV hoặc cho từng nhóm nhỏ SV, giúp SV củng cố khả năng tư duy sáng tạo, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu và rèn luyện trong quá trình học để nghiên cứu khoa học, giải quyết hoàn chỉnh một vấn đề thực tế thuộc phạm vi chuyên môn của ngành đào tạo; thể hiện bằng báo cáo khoa học cuối khóa của SV mà sản phẩm cụ thể là LVTN. Sinh viên phải trình bày, bảo vệ LVTN trước một hội đồng bảo vệ gồm 3 thành viên trong đó có cán bộ hướng dẫn. Hội đồng bảo vệ LVTN do Khoa quản lý ngành đào tạo quyết định.

4. Tiểu luận tốt nghiệp (TLTN): là học phần đặc biệt có mã số học phần riêng, được thiết kế cho mỗi SV, giúp SV củng cố khả năng tư duy sáng tạo, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu và rèn luyện trong quá trình học để tiếp cận công tác nghiên cứu khoa học, hoặc để giải quyết tương đối hoàn chỉnh một vấn đề thực tế thuộc phạm vi chuyên môn của ngành đào tạo; thể hiện bằng báo cáo cuối khóa của SV mà sản phẩm cụ thể là TLTN. Mỗi TLTN có một cán bộ hướng dẫn và được đánh giá cùng với một cán bộ khác. Cán bộ hướng dẫn và cán bộ đánh giá TLTN do Khoa quản lý ngành đào tạo quyết định.

5. Niên luận: là học phần đặc biệt có mã số học phần riêng được thiết kế nhằm giúp SV củng cố kiến thức, kỹ năng chuyên môn đã học được trước đó, theo định hướng chuyên môn của ngành đào tạo, thể hiện bằng một báo cáo chuyên môn gọi là Niên luận. Niên luận chỉ áp dụng cho SV học năm thứ 3 và năm thứ 4. Khối lượng của Niên luận từ 3 - 4 tín chỉ. Học phần Niên luận có thể do một hoặc nhiều giảng viên phụ trách. Sinh viên phải nộp và trình bày Niên luận trước lớp học phần và cán bộ phụ trách lớp học phần Niên luận để được đánh giá kết quả cuối học phần. Cán bộ phụ trách lớp học phần Niên luận do bộ môn chỉ định. Khối lượng công tác chuyên môn của lớp học phần Niên luận được tính theo số lượng niên luận, mỗi Niên luận được tính 2 giờ chuẩn.

6. Đồ án môn học: là học phần đặc biệt có mã số học phần riêng được thiết kế nhằm giúp SV vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học để giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc phạm vi kiến thức của một hoặc một số học phần cụ thể; được thể hiện và đánh giá qua một báo cáo cuối học kỳ gọi là Đồ án môn học. Khối lượng của học phần Đồ án môn học từ 2 - 3 tín chỉ. Học phần Đồ án môn học có thể do một hoặc nhiều giảng viên phụ trách. Sinh viên phải nộp và trình bày Đồ án môn học trước lớp học phần và cán bộ phụ trách lớp học phần để được đánh giá kết quả cuối học phần. Khối lượng công tác chuyên môn của lớp học phần Đồ án môn học được tính theo số lượng đồ án môn học, mỗi Đồ án môn học được tính 2 giờ chuẩn.

Những *Đồ án môn học* không đúng với khái niệm này chỉ được xem là một thành phần của học phần và điểm *Đồ án* là một điểm thành phần của học phần.

7. Chuyên đề: là học phần đặc biệt có mã số học phần riêng được thiết kế nhằm giúp SV rèn luyện cách tra cứu, thu thập, phân tích, tổng hợp tài liệu, kiến thức và trình bày lại những kiến thức chuyên môn đã thu thập được theo một định hướng chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo. Sản phẩm của chuyên đề là một bài báo cáo gọi là Báo cáo chuyên đề. Khối lượng của học phần chuyên đề từ 2 -3 tín chỉ. Sinh viên phải nộp và trình bày Báo cáo chuyên đề trước lớp học phần và cán bộ phụ trách lớp học phần để được đánh giá kết quả. Khối lượng công tác chuyên môn của lớp học phần chuyên đề

được tính theo số lượng Báo cáo chuyên đề, mỗi Báo cáo chuyên đề được tính 2 giờ chuẩn.

Những *Báo cáo chuyên đề* không đúng với khái niệm này chỉ được xem là một thành phần của học phần và điểm *chuyên đề* là điểm thành phần của học phần.

8. Bài tập, bài tập lớn: Trường không thiết kế các học phần bài tập, học phần bài tập lớn trong chương trình đào tạo, vì vậy kết quả của các loại bài tập, bài tập lớn mà SV phải làm theo yêu cầu của giảng viên (khi thực hiện các học phần) được xem như một phương thức đánh giá kết quả học tập thay cho một phần của học phần (điểm thành phần).

Ban Giám hiệu đề nghị lãnh đạo các đơn vị, lãnh đạo các bộ môn và toàn thể cán bộ của Trường nghiên cứu nắm vững những khái niệm nêu trong văn bản này để thực hiện đúng theo quy định

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Các đơn vị (để thực hiện);
- Công bố trên website;
- Lưu VT, PĐT, T3.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
P. HIỆU TRƯỞNG**

Đỗ Văn Xê (dã ký)